

Số: 270/QĐ-ĐHPY

Phú Yên, ngày 01 tháng 6 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non  
trình độ đại học, liên thông hệ VLVH, khóa đào tạo 2017-2019**


**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN**

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;  
Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phú Yên;  
Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc phân công phụ trách Trường Đại học Phú Yên;  
Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học ;  
Căn cứ Quyết định số 454/QĐ-ĐHPY ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo đại học, cao đẳng;  
Căn cứ Quyết định số 156/ QĐ-ĐHPY ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ đại học hệ vừa làm vừa học theo hệ thống tín chỉ;  
Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng khoa Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non Trường Đại học Phú Yên;

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo ngành *Giáo dục Mầm non* trình độ đại học, liên thông hệ VLVH, khoá đào tạo 2017-2019.

**Điều 2.** Căn cứ chương trình đào tạo, các khoa, bộ môn có trách nhiệm tổ chức cho giảng viên xây dựng *Đề cương chi tiết học phần* để sử dụng chính thức trong giảng dạy. Chương trình đào tạo được công bố công khai cho sinh viên thuộc ngành đào tạo biết khi bắt đầu khóa học.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non, các phòng, khoa, bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu ĐT, VT.

  
**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
  
**PGS.TS. Nguyễn Huy Vị**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**Tên chương trình: GIÁO DỤC MẦM NON**

**Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC**

**Ngành đào tạo: GIÁO DỤC MẦM NON (Early Childhood Education)**

**Mã số: 52140201. Loại hình đào tạo: LIÊN THÔNG VỪA LÀM VỪA HỌC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 270/QĐ-ĐHPY ngày 01 tháng 6 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên)*

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Giáo dục mầm non (GDMN) nhằm đào tạo giáo viên mầm non (GVMMN) có tư tưởng đạo đức tốt, có năng lực, phẩm chất nghề nghiệp vững vàng, có tinh thần trách nhiệm với trẻ, có tư duy giáo dục hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển của GDMN trong điều kiện nền kinh tế tri thức, có năng lực tiếp cận và phát triển chương trình GDMN mới, có tiềm lực nghiên cứu khoa học, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành GDMN.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

##### 1.2.1. Về kiến thức:

- Hiểu biết về kiến thức khoa học tự nhiên và khoa học xã hội nhân văn, kiến thức cơ sở ngành giáo dục mầm non để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục đáp ứng yêu cầu đào tạo giáo dục mầm non.

- Hiểu và vận dụng kiến thức chuyên ngành vào việc chăm sóc và giáo dục trẻ, đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non: hiểu biết về an toàn, phòng tránh và xử lý ban đầu các tai nạn thường gặp ở trẻ; vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ; hiểu biết về dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và giáo dục dinh dưỡng cho trẻ; về một số bệnh thường gặp ở trẻ, cách phòng bệnh và xử lý ban đầu.

- Vận dụng thành thạo kiến thức về nghiệp vụ sư phạm: tâm lý học, giáo dục học, phương pháp dạy học: phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ; phương pháp phát triển nhận thức và ngôn ngữ cho trẻ trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.

##### 1.2.2. Về kỹ năng:

- Lập được kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ: tổ chức môi trường nhóm, lớp đảm bảo vệ sinh và an toàn cho trẻ; hướng dẫn trẻ rèn luyện một số kỹ năng tự phục vụ; phòng tránh và xử trí ban đầu một số bệnh, tai nạn thường gặp đối với trẻ.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ phát huy tính tích cực, sáng tạo của trẻ; đánh giá và có phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp.

- Có kỹ năng quản lý lớp học, xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý nhóm, lớp gắn với kế hoạch hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ; Thiết kế và sử dụng hiệu quả đồ dùng dạy học.

- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng

- Đánh giá hiệu quả và điều chỉnh kế hoạch giáo dục.

##### 1.2.3. Về thái độ :

- Yêu nghề, tận tụy với nghề, sẵn sàng khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ.

- Chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước.

- Chấp hành các quy định của ngành, quy định của trường, kỷ luật lao động.
- Có đạo đức, nhân cách và lối sống lành mạnh, trong sáng của nhà giáo; có ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp.
- Trung thực trong công tác, đoàn kết trong quan hệ với đồng nghiệp; tận tình phục vụ nhân dân và trẻ.

#### 1.2.4. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp:

- Làm giáo viên tại các trường và các cơ sở GDMN;
- Làm chuyên viên tại các Phòng giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo.

#### 1.2.5. Khả năng học tập nâng cao:

- Có khả năng tự học tập, bồi dưỡng để phát triển kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí công tác.
- Đủ khả năng tiếp tục học tập ở các trình độ cao hơn thuộc chuyên ngành Giáo dục mầm non.

### 2. Thời gian đào tạo: 1,5 năm

### 3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 50 tín chỉ

TT	Cấu trúc kiến thức của chương trình	Tín chỉ	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn
1	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	16	14	2
2	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	34	30	4
2.1	Kiến thức cơ sở	09	09	0
2.2	Kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ	12	8	4
2.3	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	4	4	0
2.4	Tiểu luận khoa học giáo dục	2	2	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>50</b>	<b>44</b>	<b>6</b>

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Thí sinh đã tốt nghiệp Cao đẳng Giáo dục Mầm non. Các quy định khác theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục Đào tạo.

### 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Thực hiện theo thông tư số 06/2017/TT – BGDDT ngày 15/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học.

- Thực hiện theo Quyết định số 156/QĐ-ĐHPY ngày 12/4/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc ban hành quy chế tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ đại học hệ vừa làm vừa học theo hệ thống tín chỉ.

- Thực hiện theo Quyết định số 454/QĐ-ĐHPY ngày 31/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc ban hành quy định về khối lượng kiến thức mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ đại học, cao đẳng.

- Tích lũy đủ số tín chỉ theo chương trình đào tạo đã được thiết kế.

**6. Thang điểm:** Thực hiện theo Quyết định số 397/QĐ-ĐHPY ngày 03/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc ban hành quy chế học vụ trình độ đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

### 7. Nội dung chương trình

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Điều kiện tiên quyết (số thứ tự HP)
				LT	BT	TH	TT	
7.1		<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	16	214	26	0	0	
7.1.1		<b>Ngoại ngữ</b>	3	45	0	0	0	
1	NG116173	Tiếng Anh chuyên ngành Mầm non	3	45	0	0	0	
7.1.2		<b>Khoa học xã hội và nhân văn</b>	9	120	15	0	0	

	<b>- Bắt buộc:</b>		<b>7</b>	<b>90</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
2	TM121113	Tiếng Việt	3	30	15	0	0	
3	TL111162	Nghề giáo viên mầm non	2	30	0	0	0	
4	TL111132	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	30	0	0	0	
	<b>- Tự chọn: (chọn 2/4 TC)</b>		<b>2</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
5	XH120052	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	0	0	0	
6	XH140012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0	0	0	
<b>7.1.3</b>	<b>Khoa học tự nhiên-công nghệ:</b>		<b>4</b>	<b>49</b>	<b>11</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
7	TM122012	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán	2	30	0	0	0	
8	TN114042	Thống kê giáo dục	2	19	11	0	0	
<b>7.2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>34</b>	<b>315</b>	<b>45</b>	<b>300</b>	<b>0</b>	
<b>7.2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở</b>		<b>10</b>	<b>90</b>	<b>15</b>	<b>90</b>	<b>0</b>	
9	TM121072	Tiếng Việt thực hành	2	15	15	0	0	
10	XH112002	Văn học dân gian	2	30	0	0	0	
11	TM123453	Vệ sinh – Chăm sóc trẻ em	3	30	0	30	0	
12	NT110733	Tổ chức và dàn dựng chương trình ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non	3	15	0	60	0	
<b>7.2.2</b>	<b>Kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ</b>		<b>19</b>	<b>150</b>	<b>30</b>	<b>120</b>	<b>0</b>	
	<b>- Bắt buộc:</b>		<b>15</b>	<b>150</b>	<b>30</b>	<b>90</b>	<b>0</b>	
13	NT120712	Làm đồ chơi cho trẻ mầm non	2	15	0	30	0	
14	TM122173	Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán học cho trẻ em	3	30	0	30	0	
15	TM121073	Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	3	30	15	0	0	
16	TL110092	Giao tiếp với trẻ em	2	30	0	0	0	
17	TM121043	Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học	3	30	15	0	0	
18	NT121732	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	2	15	0	30		
	<b>- Tự chọn: (chọn 4/6TC)</b>		<b>4</b>	<b>45</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	
19	NT110712	Đàn phím điện tử	2	15	0	30	0	
20	TC132022	Thế dục nghệ thuật	2	15	0	30	0	
21	TL111152	Giáo dục hòa nhập	2	30	0	0	0	
<b>7.2.3</b>	<b>Kiến thức nghiệp vụ sư phạm</b>		<b>3</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	
22	TL110101	Rèn luyện NVSP thường xuyên (4)	1	0	0	30	0	
23	TL111202	Quản lý nhà trường	2	30	0	0	0	
<b>7.2.4</b>	<b>Tiểu luận khoa học giáo dục</b>		<b>2</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	
24	TL111222	Tiểu luận khoa học giáo dục	2	0	0	60	0	5
<b>Tổng cộng</b>			<b>50</b>	<b>529</b>	<b>71</b>	<b>300</b>	<b>0</b>	

*Ghi chú: Điều kiện tiên quyết thực hiện theo quy định của Trường Đại học Phú Yên.*

## 8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

### 8.1. HỌC KỲ I: 18 TC (bắt buộc: 16 TC, tự chọn: 2 TC)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
	<b>- Bắt buộc:</b>		<b>16</b>	<b>189</b>	<b>26</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	NG116173	Tiếng Anh chuyên ngành Mầm non	3	45	0	0	0	
2	TM121113	Tiếng Việt	3	30	15	0	0	
3	TL111162	Nghề giáo viên mầm non	2	30	0	0	0	
4	TL111132	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	30	0	0	0	
5	TM122012	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán	2	30	0	0	0	
6	TN114042	Thống kê giáo dục	2	19	11	0	0	

7	XH112002	Văn học dân gian	2	30	0	0	0	
	<b>- Tự chọn: (chọn 2/4 TC)</b>		<b>2</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
8	XH120052	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	0	0	0	
9	XH140012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0	0	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>18</b>	<b>244</b>	<b>26</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	

## 8.2. HỌC KỲ II: 18 TC (bắt buộc: 14 TC, tự chọn: 4 TC)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
	<b>- Bắt buộc:</b>		<b>14</b>	<b>110</b>	<b>30</b>	<b>150</b>	<b>0</b>	
1	TM121072	Tiếng Việt thực hành	2	15	15	0	0	
2	NT120712	Làm đồ chơi cho trẻ Mầm non	2	15	0	30	0	
3	TM123453	Vệ sinh – Chăm sóc trẻ em	3	30	0	30	0	
4	NT110733	Tổ chức và dàn dựng chương trình ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non	3	15	0	60	0	
5	TL110101	Rèn luyện NVSP thường xuyên (4)	1	0	0	30	0	
6	TM121073	Tổ chức hoạt động cho trẻ Làm quen tác phẩm văn học	3	30	15	0	0	
	<b>- Tự chọn: (chọn 4/6TC)</b>		<b>4</b>	<b>45</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	
7	NT110712	Đàn phím điện tử	2	15	0	30	0	
8	TC132022	Thế dục nghệ thuật	2	15	0	30	0	
9	TL111152	Giáo dục hòa nhập	2	30	0	0	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>18</b>	<b>150</b>	<b>30</b>	<b>180</b>	<b>0</b>	

## 8.8. HỌC KỲ III: 14TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
1	TM122173	Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán học cho trẻ em	3	30	0	30	0	
2	TL111202	Quản lý nhà trường	2	30	0	0	0	
3	TL111222	Tiểu luận khoa học giáo dục	2	0	0	60	0	
4	TL110092	Giao tiếp với trẻ em	2	30	0	0	0	
5	TM121043	Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học	3	30	15	0	0	
6	NT121732	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	2	15	0	30	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>14</b>	<b>135</b>	<b>15</b>	<b>120</b>	<b>0</b>	

## 9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

### 9.1. Tiếng Anh Chuyên ngành Mầm non

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên ngành Mầm non cách thức dạy cho trẻ nhận biết và nói những từ vựng đơn giản thông qua tranh ảnh, tổ chức các trò chơi có sử dụng tiếng Anh, dạy các bài hát đơn giản hoặc kể chuyện bằng tiếng Anh cho trẻ. Học phần giúp sinh viên tạo được vốn từ giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc hiểu và dịch về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành mầm non nhằm đáp ứng việc nghiên cứu trong công tác chuyên môn.

### 9.2. Tiếng Việt

3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về ngôn ngữ học và Tiếng Việt: ngữ âm tiếng Việt; từ vựng tiếng Việt; ngữ pháp – văn bản Tiếng Việt. Trang bị cho sinh viên công cụ hỗ trợ thực hiện nội dung phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở trường mầm non.

### 9.3. Nghề giáo viên mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Cung cấp các kiến thức cơ bản về: Nghề, nghề giáo viên và nghề giáo viên Mầm non; nhiệm vụ của giáo viên Mầm non; Đặc điểm hoạt động sư phạm của giáo viên Mầm non; Các kỹ năng nghề nghiệp và giao tiếp của giáo viên Mầm non; Con đường hình thành nghề giáo viên Mầm non.

#### **9.4. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất của nghiên cứu khoa học cũng như cấu trúc logic của một công trình khoa học; các thao tác nghiên cứu khoa học, xây dựng, chứng minh và trình bày các luận điểm khoa học; phương pháp trình bày một báo cáo khoa học; viết được một công trình khoa học và bước đầu biết vận dụng kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập ở đại học.

#### **9.5. Lịch sử văn minh thế giới**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần khái quát những thành tựu chủ yếu về văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần của những nền văn minh lớn trong lịch sử thế giới từ cổ đại đến hiện đại; sự phát triển về kỹ thuật và khoa học tự nhiên; sự phát triển về tư tưởng.

#### **9.6. Cơ sở văn hoá Việt Nam**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hoá học và văn hoá Việt Nam, về tiến trình văn hoá Việt Nam, các thành tố văn hoá Việt Nam, như văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức đời sống, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội.

Học phần cũng trang bị những kỹ năng, phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hoá Việt Nam.

#### **9.7. Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học bao gồm: Các kiến thức về tập hợp, logic, số tự nhiên, các hình học và thống kê toán. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về toán học để hình thành biểu tượng Toán cho trẻ.

#### **9.8. Thống kê giáo dục**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất làm nền tảng trong thống kê; ứng dụng thống kê hiện đại dùng để miêu tả các dữ kiện định tính, định lượng, giải thích, suy diễn các kết quả thu được qua các hoạt động giảng dạy, quản lý hay trong một cuộc nghiên cứu thuộc tâm lý – giáo dục; những định hướng xử lý, phân tích số liệu thống kê bằng phần mềm máy tính.

#### **9.9. Tiếng Việt thực hành**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung học phần: rèn kỹ năng sử dụng tiếng Việt cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục Mầm non: tạo lập văn bản thuộc những phong cách khác nhau; tạo lập đoạn văn theo những kết cấu nhất định; nâng cao kỹ năng viết đúng câu về các mặt cấu tạo ngữ pháp, quan hệ ý nghĩa trong câu), sự liên kết mạch lạc giữa các câu trong văn bản; kỹ năng dùng từ (đúng âm thanh, cấu tạo, ý nghĩa, dùng từ chính xác trong giao tiếp); kỹ năng viết đúng chính tả, phân tích và chữa lỗi chính tả thường gặp.

#### **9.10. Văn học dân gian**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung học phần gồm:

Cung cấp kiến thức về những đặc điểm cơ bản và hệ thống thể loại của văn học dân gian Việt Nam.

Bước đầu trang bị cho sinh viên vốn kiến thức cần thiết để sinh viên có điều kiện thuận lợi khi tiếp cận với các học phần văn học khác.

**9.11. Vệ sinh - chăm sóc trẻ**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về vi sinh vật và ký sinh trùng gây bệnh thường gặp, các kiến thức về vệ sinh trẻ em, vệ sinh trường mầm non; tầm quan trọng của những năm đầu đời đối với sự phát triển của trẻ, các kiến thức và kỹ năng về chăm sóc trẻ thời kì trong bụng mẹ, chăm sóc trẻ từ 0- 6 tuổi (chú trọng vào việc vệ sinh chăm sóc trẻ về thân thể, mắt, tai, mũi, họng, trang phục và nuôi dưỡng trẻ trong mỗi giai đoạn phát triển).

**9.12. Tổ chức và dàn dựng chương trình ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần giới thiệu các ngày hội ngày lễ ở trường mầm non. Trang bị cho sinh viên một số kiến thức và kỹ năng cơ bản về biên tập chương trình văn nghệ, biên soạn động tác múa, kỹ năng và kiến thức về hát đơn ca, song ca, tốp ca, phối bè. Kỹ năng xây dựng kịch bản lễ hội ở trường mầm non. Dàn dựng và tổ chức thực hiện các chương văn nghệ, chương trình hoạt động âm nhạc trong các ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non.

**9.13. Làm đồ chơi cho trẻ mầm non**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học bao gồm:

Những vấn đề chung về đồ chơi: cơ sở lý luận về đồ chơi, quy trình và kỹ thuật làm đồ chơi bằng các nguyên vật liệu khác nhau. Hướng dẫn thực hành làm đồ chơi: đồ chơi xây dựng, đồ chơi học tập, đồ chơi có chủ đề, đồ chơi sân khấu và âm nhạc, đồ chơi trang trí và hải hươc; một số mẫu đồ chơi khác bằng vật dụng thiên nhiên, phế liệu.

**9.14. Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán học cho trẻ em**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán

Học phần cung cấp cho sinh viên:

Những vấn đề chung của quá trình hình thành biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ mầm non; đặc điểm hình thành biểu tượng toán ban đầu cho trẻ mầm non; phương pháp, hình thức, phương tiện hình thành biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ mầm non.

**9.15. Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đặc điểm cảm thụ và sáng tạo tác phẩm văn học của trẻ mầm non; vai trò và yêu cầu của các phương pháp dạy học, hình thức tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học ở trường mầm non; chuyển thể tác phẩm văn học sang kịch bản sân khấu và tổ chức hoạt động đóng kịch cho trẻ mẫu giáo.

**9.16. Giao tiếp với trẻ em**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này cung cấp cho người học những vấn đề chung về giao tiếp: khái niệm, các loại giao tiếp, các thành tố và nguyên tắc giao tiếp. Giao tiếp và quá trình xã hội hóa của trẻ từ 0 đến 6 tuổi. Phát triển giao tiếp cho trẻ dưới 3 tuổi, từ 3 đến 6 tuổi.

**9.17. Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm tác phẩm văn học theo loại thể, nghệ thuật đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học theo loại thể; cách tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học theo loại thể; rèn kỹ năng đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học trong chương trình giáo dục mầm non.

**9.18. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung của học phần gồm: Một số kiến thức chung về Hoạt động trải nghiệm sáng tạo, đặc điểm của Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong chương trình Giáo dục Mầm non; vai trò của sự phát triển khả năng sáng tạo của trẻ trong hoạt động tạo hình, trong giáo dục toàn diện cho trẻ mầm non. Thiết kế - tổ chức hoạt động và đánh giá Hoạt động tạo hình của trẻ theo hướng đổi mới Hoạt động tạo hình ở trường mầm non. Hướng dẫn tiêu chí và thang điểm đánh giá khả năng sáng tạo của trẻ.

#### **9.19. Đàn phím điện tử**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Giúp học viên bước đầu làm quen và sử dụng được đàn phím điện tử trong phạm vi từ không đến một dấu hóa. Làm phương tiện dạy học âm nhạc ở trường Tiểu học.

#### **9.20. Thể dục nghệ thuật**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Hình thành cho sinh viên các kỹ năng thể dục nhịp điệu gồm 12 động tác, bài thể dục với vòng gồm 32 động tác và bài thể dục với lụa gồm 10 động tác.

#### **9.21. Giáo dục hòa nhập**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập (GDHN): Khái niệm, mục tiêu và nhiệm vụ của GDHN; GDHN trên thế giới và ở Việt Nam.

Các hình thức tổ chức GDHN; các nguyên tắc GDHN; chiến lược thúc đẩy và hỗ trợ GDHN; giáo dục cho các nhóm trẻ có nhu cầu đặc biệt.

#### **9.22. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 4**

**1 TC**

Thực hành chăm sóc và giáo dục trẻ khối mẫu giáo

- Thực hành kỹ năng chăm sóc và giáo dục trẻ (chăm sóc trẻ, hoạt động góc, hoạt động ngoài trời, hoạt động chung).

- Dự giờ, tổng kết rút kinh nghiệm.

#### **9.23. Quản lý nhà trường**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp cho sinh viên ngành GDMN hệ thống tri thức về quản lý nhà trường mầm non: Tổng quan về quản lý và lãnh đạo nhà trường mầm non; Mô hình lý thuyết về quản lý dựa vào nhà trường mầm non; Phát triển chương trình nhà trường mầm non theo tiếp cận năng lực; Phát triển năng lực tự chủ chuyên môn trong quản lý đội ngũ giáo viên mầm non; Tiếp cận lãnh đạo dạy học trong quản lý nhà trường mầm non của hiệu trưởng; Đổi mới đánh giá trong lớp học theo quan điểm vì sự tiến bộ của trẻ; Quản lý chất lượng giáo dục mầm non; Quản lý nguồn nhân lực trong nhà trường mầm non; Quản lý tài chính trường mầm non theo định hướng tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội; Văn hoá nhà trường mầm non trong thế kỷ XXI và vai trò của người hiệu trưởng nhà trường mầm non; Tình huống và cách xử lý một số tình huống quản lý nhà trường mầm non.

#### **9.24. Tiểu luận khoa học giáo dục**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Hướng dẫn phát hiện đề tài, quan sát thu thập dữ liệu, phân tích xử lý số liệu, bố trí thực nghiệm sư phạm, xác định kết quả nghiên cứu, viết tiểu luận khoa học.



### 10. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu thực hiện chương trình

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học dự kiến đảm nhiệm
1	Hồng Ái Nga, 1970, Trưởng Bộ môn Tiếng Anh không chuyên ngữ	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh chuyên ngành Giáo dục Mầm non
2	Nguyễn Thị Liên, 1974, Phó trưởng khoa GDTH MN	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2004	Ngôn ngữ	- Tiếng Việt - Tổ chức hoạt động cho trẻ LQTPVH
3	Trần Văn Chương, 1957, Giảng viên	CVCC, 2005	Ts, Việt Nam, 2016	Quản lý giáo dục	- Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục
4	Phan Thị Lan, 1971, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2005	Tâm lý học & GDH	- Nghề giáo viên mầm non
5	Nguyễn Văn Thương, 1971, Trưởng khoa KHXH & NV	GV	TS, Việt Nam, 2008	Lịch sử Việt Nam	- Lịch sử văn minh thế giới
6	Nguyễn Định, Phó hiệu trưởng	GV	TS, Việt Nam, 2006	Văn hóa học	- Cơ sở văn hóa Việt Nam
7	Nguyễn Tấn Khôi, 1961, Trưởng khoa GDTH-MN	GVC 2006	Ths, Việt Nam, 1998	Toán giải tích	- Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán - Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ
8	Nguyễn Huy Vị, 1959, Phó Hiệu trưởng	PGS, 2015 GVCC, 2016	Ths. Toán TS. QLGD, Việt Nam, 2008	Giải tích, Giáo dục học	- Logic học đại cương - Thống kê giáo dục
9	Võ Thị Ngọc Hoa, 1976, P. trưởng khoa Khoa học XHNV	GV	Ths, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ đối chiếu	Tiếng Việt thực hành
10	Nguyễn Thị Ái Thoa, 1981, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2007	Văn học Việt Nam	Văn học dân gian
11	Lê Thị Hoàng Diệp, 1986, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2009	GD Mầm non	Vệ sinh - chăm sóc trẻ
12	Phan Thị Lan, 1972, Giảng viên	GV	Ths, Thái Lan, 2012	Nghệ thuật thị giác	Làm đồ chơi cho trẻ mầm non
13	Trần Thị Hồng Vân, 1972, Phó Trưởng khoa Nghệ thuật	GV	Ths, Việt Nam, 2014	Âm nhạc	Tổ chức và dàn dựng chương trình ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non
14	Huỳnh Thị Như Huyền, 1975, Giảng viên	GVC 2011	Ths, Việt Nam, 2004	Ngôn ngữ	- Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học

					- PP đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học
15	Nguyễn Xuân Thành, 1978, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2014	LLPPDH Âm nhạc	Đàn phím điện tử
16	Trần Đắc Ân, 1966, PTK GDTC-GDQP	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2002	GD Thể chất	- Thể dục nghệ thuật
17	Châu Thị Hồng Nhự, 1986, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2013	Giáo dục học	- Giáo dục hoà nhập
18	Lê Bạt Sơn, 1967 GD Trung tâm TV & hỗ trợ sinh viên	GVC 2011	Ths, Việt Nam, 2006	Quản lý giáo dục	- Quản lý nhà trường
19	Bùi Hữu Mô, 1960, TK TLGD-ĐĐ	GVC 2006	Ths, Việt Nam, 2003	Tâm lý học-GDH	- Giao tiếp với trẻ em
20	Đình Văn Tiên; 1965, Phó Giám đốc Trung tâm TV & Hỗ trợ sinh viên	GV	Ths, Việt Nam, 2014 Cử nhân, Việt Nam,	Quản lý giáo dục Hội Họa	- Hoạt động trải nghiệm, sáng tạo trong tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non

## 11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

### 11.1 Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

- 1 phòng dạy Mỹ thuật.
- 2 phòng dạy nhạc.
- 1 phòng máy vi tính.
- Phòng Thực hành Mầm non

### 11.2 Thư viện

Đầy đủ tài liệu để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập (khoảng 10 nghìn đầu sách và 1236m<sup>2</sup> sử dụng).

### 11.3. Danh mục giáo trình, tài liệu chính của ngành đào tạo:

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Sử dụng cho môn học, học phần
1	New English File Pre-Intermediate	Chieoxenden, Christinalatham Koenig, Paul Seligson	Oxford University Press	2012	Tiếng Anh chuyên ngành mầm non
2	Tiếng Việt	Lê A (chủ biên)	GD	2007	Tiếng Việt
3	Phương pháp NCKH GD	Võ Thị Ngọc Lan,	Đại học Quốc gia		Phương pháp NCKH GD

		Nguyễn Văn Tuấn (2012)	Tp. HCM	2012	
4	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh	GD	2003	Lịch sử văn minh thế giới
5	- Cơ sở văn hoá Việt Nam - Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Quốc Vượng (CB) Trần Ngọc Thêm	GD HN	1998 1999	Cơ sở văn hóa Việt Nam
6	Nhập môn Lý thuyết tập hợp và logic toán	Nguyễn Văn Ngọc	ĐHSP Hà Nội	1995	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán
7	Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học giáo dục	Dương Thiệu Tống	Khoa học Xã hội, Hà Nội.	2005	Thống kê giáo dục
8	Tiếng Việt thực hành	Bùi Minh Toán, Nguyễn Thị Lanh	ĐHSP	2004	Tiếng Việt Thực hành
9	Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam	Viện văn học	GD	1999	Văn học dân gian
10	Giáo trình phương pháp chăm sóc vệ sinh trẻ em	PGS.TS Hoàng Thị Phương	ĐHSP	2010	Vệ sinh – Chăm sóc trẻ
11	PP tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm non	Lê Thanh Thúy	ĐHSP	2003	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em
12	Kịch bản lễ hội ở trường mầm non	Hoàng Văn Yên	Giáo dục	2006	Tổ chức và dàn dựng chương trình ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non.
13	Đồ chơi và cách làm đồ chơi cho trẻ	Nguyễn Lăng Bình (chủ biên)	Nhà in Tạp chí Cộng sản	1996	Làm đồ chơi cho trẻ mầm non
14	.Giáo trình Phương pháp hướng dẫn trẻ mầm non làm quen với biểu toán ban đầu	Ths Lê Thị Thanh Nga	GD	2003	Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ em
15	PP hướng dẫn trẻ làm quen tác phẩm văn học	Ngô Thái Sơn	Giáo dục	2006	Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học
16	Tập đề cương bài giảng (chưa có giáo trình)				Đàn phím điện tử
17	Thẻ đục nghệ thuật và Thẻ đục nhào lộn	Phạm Nguyên Phùng, Vũ Thị Thu	GD	2000	Thẻ đục nghệ thuật
18	Giáo dục hòa nhập	Trần Thị Hiệp, Nguyễn Xuân Hải, Lê Thị Thúy Hằng	GD	2008	Giáo dục hòa nhập
19	Rèn luyện Nghiệp vụ sư phạm	Nguyễn Việt Bắc	GD	2007	Rèn luyện NVSPTX

	thường xuyên				
20	Quản lý nhà trường	PGS.TS. Đặng Quốc Bảo TS. Nguyễn Thành Vinh	GDVN	2011	Quản lý nhà trường
21	- Giao tiếp với trẻ em. - Giao trình kỹ năng giao tiếp	- Võ Duy Dân - Chu Văn Đức	Nhà in Phúc Yên Hà Nội	2006 2005	Giao tiếp với trẻ em
22	Phương pháp đọc diễn cảm	Hà Nguyễn Kim Giang	ĐHSP	2007	Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học
23	Nghề Giáo viên mầm non	Hồ Hồng Lam	GD	2008	Nghề giáo viên mầm non

**11.4. Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo của ngành đào tạo:**

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Sử dụng cho môn học, học phần
1.	Grammar English book for Non-English mào Students'self	Tôn Nữ Phương Thảo	ĐHPY	2012	Tiếng Anh chuyên ngành mầm non
2.	New Heaway English course Pre-Intermediate workbook	John and Liz Soars	Oxford University Press	2000	Tiếng Anh chuyên ngành mầm non
3.	Ngữ nghĩa Tiếng Việt	Đỗ Hữu Châu	ĐHQG Hà Nội	1996	-Tiếng Việt
4.	Ngữ pháp Tiếng Việt	Diệp Quang Ban	Giáo dục Hà Nội	2000	-Tiếng Việt
5.	Phong cách học Tiếng Việt	Đinh Trọng Lạc, Nguyễn Thái Hòa	Giáo dục Hà Nội	1993	-Tiếng Việt
6.	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Khoa học & kỹ thuật	1999	Phương pháp NCKH
7.	Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học su phạm ứng dụng và sáng kiến kinh nghiệm tại các trường phổ thông	Học viện quản lý giáo dục		2013	Phương pháp NCKH
8.	Tập hợp – Logic và số học	Phan Hữu Châu, Nguyễn Tiến Tài	GD	1998	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán
9.	Tiếng Việt thực hành	Nguyễn Minh Thuyết Hà Thúc Hoan	GD ĐHSP	1996 1998	Tiếng Việt thực hành
10.	Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam	Viện văn học	GD	1999	Văn học dân gian
11.	Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình	Nguyễn Lăng Bình, Phan Việt Hoa	Hà Nội	1994	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em
12.	Khoa học trong ăn uống	Vũ Định	Phụ nữ	1986	Vệ sinh – Chăm sóc trẻ
13.	Toán và PP hình thành các biểu tượng	Đinh Thị Nhung	ĐHSP	2003	Phương pháp hình thành biểu tượng toán học

	toán học cho trẻ Mẫu giáo (T1&T2)				sơ đẳng cho trẻ em.
14.	Phương pháp đạo diễn chương trình nghệ thuật tổng hợp	Lê Ngọc Canh	Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội	2009	Tổ chức và dàn dựng chương trình ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non
15.	Tổ chức và dàn dựng chương trình biểu diễn ở cơ sở	Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội	Nxb Giáo dục	2000	Tổ chức và dàn dựng chương trình ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non
16.	Tạo hình và PP hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ (Q2)	Đặng Hồng Nhật	ĐHQG HN	2006	Làm đồ chơi cho trẻ em
17.	Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ LQ TPVH	Hà Nguyễn Kim Giang	Giáo dục	2000	PP đọc diễn cảm tác phẩm văn học - PP cho trẻ Làm quen TPVH
18.	Phương pháp dạy và học đàn phím	Nguyễn Xuân Tứ		2007	Đàn phím điện tử
19.	Giáo trình kí – xướng âm	Nhiều tác giả	Nhạc viện Hà Nội		Đàn phím điện tử
20.	Cẩm nang quản lý nhà trường	Tập thể tác giả	Chính trị quốc gia	2006	Quản lý nhà trường
21.	Tinh hoa quản lý	Tập thể tác giả	Lao động	2003	Quản lý nhà trường
22.	Nghệ thuật lãnh đạo quản lý	Lý Ân – Lý Dương	Thống kê	1999	Quản lý nhà trường
23.	Chương trình chăm sóc trẻ nhà trẻ và mẫu giáo	Bộ GD &ĐT	Giáo dục	2009	Quản lý nhà trường
24.	Giáo dục hòa nhập	Trần Thị Hiệp, Nguyễn Xuân Hải	Giáo dục	2008	Giáo dục hoà nhập

## 12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình ngành Giáo dục Mầm non, trình độ đại học, hệ liên thông VL VH, được soạn thảo theo Quyết định số 454/QĐ-ĐHPY, ngày 31/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên Quy định về việc Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ đại học, cao đẳng và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng.

- Chương trình có 50 tín chỉ với 44 tín chỉ bắt buộc và 06 tín chỉ tự chọn.

- Việc đánh giá kết quả người học, học theo tiến độ nhanh, tiến độ chậm; học cùng lúc hai chương trình; chuyển trường; xét tốt nghiệp... của chương trình ngành Giáo dục Mầm non được thực hiện theo Quyết định số 397/QĐ-ĐHPY ngày 03 tháng 8 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên Quy định về việc ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

- Danh mục và khối lượng các học phần quy định tại mục 7 gồm 2 phần: Những học phần bắt buộc sinh viên phải thực hiện; Những học phần tự chọn sinh viên thực hiện theo hướng dẫn của nhà trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo để tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình.

- Mỗi học phần được liệt kê ở bảng danh mục các học phần trong chương trình đào tạo (mục 7) đều có đề cương chi tiết học phần (kể cả các học phần tự chọn). Trong đề cương chi tiết các học phần có nêu rõ nội dung trọng tâm, những giáo trình, tài liệu học tập và tham khảo để sinh viên có thể lựa chọn và chuẩn bị để học tập.

- Chương trình đào tạo thiết kế cho 3 học kỳ chính. Ngoài 3 học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm các học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện học lại; học cải thiện điểm; học bù hoặc học vượt.

- Kế hoạch đào tạo cho các học kỳ được xây dựng trong mục 8 chỉ có tính chất định hướng (dự kiến). Trên cơ sở khung thời gian, chương trình đào tạo và cơ sở vật chất phục vụ do nhà trường quy định, sinh viên sẽ đăng ký học các học phần bắt buộc và tự chọn riêng cho mình, xây dựng cho mình một kế hoạch học tập theo sự tư vấn của cố vấn học tập. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần.

- Lưu ý về khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định tại Quy chế học vụ như sau:

+ 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;

+ 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.

+ Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.

+ Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Không hạn chế khối lượng đăng ký học lập của những sinh viên xếp hạng học lực bình thường.

  
PHO HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS. Nguyễn Huy Vị